

Assertion & Web first assertion

Dùng để kiểm tra một giá trị có đúng với mong muốn không.

Ví dụ: kiểm tra 1 phần tử có chứa text “Playwright class” hay không

```
<p> Playwright class from Playwright Việt Nam </p>
const elem = page.locator('//p')
await expect(elem).toContainText("Playwright class");
```

Assertion & Web first assertion

Dùng để kiểm tra một giá trị có đúng với mong muốn không.

Ví dụ: kiểm tra 1 phần tử có chứa text “Playwright class” hay không

```
<p> Playwright class from Playwright Việt Nam </p>
const elem = page.locator('//p')
await expect(elem).toContainText("Playwright class");
```

| Assertion | Ý nghĩa |
|--|---|
| <code>expect().toBe();</code> | Kiểm tra giá trị đúng bằng |
| <code>expect().toEqual();</code> | Kiểm tra hai giá trị bằng nhau (so sánh sâu cho object/array) |
| <code>expect().toContain();</code> | Kiểm tra một phần tử có trong array hoặc chuỗi |
| <code>expect().toBeTruthy();</code> | Kiểm tra giá trị có "truthy" (không null, không false, không undefined) |
| <code>expect().toBeFalsy();</code> | Kiểm tra giá trị có "falsy" (null, undefined, 0, hoặc false) |
| <code>expect().toBeGreaterThan();</code> | Kiểm tra giá trị lớn hơn |
| <code>expect().toBeLessThan();</code> | Kiểm tra giá trị nhỏ hơn |

Note: Các async matcher (tức là sẽ luôn đi kèm await):

| Web first assertion | Ý nghĩa |
|--|---|
| <code>await expect(elem).toBeAttached();</code> | Kiểm tra phần tử đã được gắn vào DOM |
| <code>await expect(elem).toBeChecked();</code> | Kiểm tra phần tử đã được check. Thường dùng cho checkbox, radio button. |
| <code>await expect(elem).toBeEditable();</code> | Kiểm tra phần tử có thể sửa được. Thường dùng cho ô input |
| <code>await expect(elem).toBeEmpty();</code> | Kiểm tra phần tử rỗng. Thường dùng cho các phần tử warning, error. |
| <code>await expect(elem).toBeEnabled();</code> | Kiểm tra phần tử có được enable hay không. Thường dùng cho button hoặc input |
| <code>await expect(elem).toBeFocused();</code> | Kiểm tra phần tử có được focus hay không. Thường dùng cho input |
| <code>await expect(elem).toBeHidden();</code> | Kiểm tra phần tử có bị ẩn khỏi trang web hay không. Thường dùng cho các text thông báo |
| <code>await expect(elem).toBeInViewport();</code> | Kiểm tra phần tử có nằm trong viewport hay không. |
| <code>await expect(elem).toBeVisible();</code> | Kiểm tra phần tử có visible (hiển thị) hay không |
| <code>await expect(elem).toContainText("abc");</code> | Kiểm tra phần tử có chứa text hay không |
| <code>await expect(elem).toHaveAttribute("href");</code> | Kiểm tra phần tử có thuộc tính href hay không |
| <code>await expect(elem).toHaveClass("class-name");</code> | Kiểm tra phần tử có class hay không |

| | |
|--|--|
| <code>await expect(elem).toHaveId("id")</code> | Kiểm tra phần tử có id hay không |
| <code>await expect(elem).toHaveText('');</code> | Kiểm tra phần tử có text hay không |
| <code>await expect(elem).toHaveValue('');</code> | Kiểm tra input có chứa giá trị hay không |
| <code>await expect(elem).toHaveValues([])</code> | Kiểm tra select có select các option hay không |